# CHI PHÍ THÔNG QUAN HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU TẠI VIỆT NAM

*Phan Thị Thu Hiền*[*]
*Bùi Thị Nhinh*[**]

**Tóm tắt**

*Thời gian và chi phí thông quan hàng hóa là hai chỉ số quan trọng đo lường hiệu quả và năng lực cạnh tranh của mỗi doanh nghiệp. Đây cũng là hai chỉ tiêu đánh giá mức độ thuận lợi hóa của môi trường kinh doanh cũng như tính hiệu lực công tác quản lý nhà nước về thương mại và hải quan của mỗi quốc gia.Hiện nay, Việt Nam đang nỗ lực tạo thuận lợi hóa thương mại với mục tiêu thời gian giải phóng hàng bằng trung bình của các nước ASEAN-6 cuối năm 2015 (nhập khẩu là 13 ngày, xuất khẩu là 14 ngày) so với mức 21 ngày đối với cả xuất khẩu và nhập khẩu như năm 2014, theo cách tính của Ngân hàng Thế giới (Tổng Cục hải quan,2014). Tuy nhiên, đo lường chi phí thông quan hàng hóa là vấn đề phức tạp và khó khăn bởi tính đa dạng của các giao dịch thương mại quốc tế. Để có cơ sở tối ưu hóa chi phí thông quan hàng hóa tại Việt Nam, bài báo sẽ làm rõ hai vấn đề chính là: (1) Các yếu tố cấu thành nên chi phí thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam, (2) Chi phí thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu phụ thuộc vào những điều kiện giao dịch và thủ tục hải quan nào? Bài báo thực hiện đo lường mối tương quan giữa chi phí thông quan và các điều kiện giao dịch xuất nhập khẩu trên cơ sở dữ liệu thu thập từ việc khảo sát, điều tra 94 doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu tại Việt Nam. Đồng thời bài báo đề xuất một số ý kiến nhằm tối ưu hóa chi phí thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu đối với các doanh nghiệp Việt Nam..*

**Từ khóa:** *giao dịch, hải quan, hàng hóa, hồ sơ, thông quan, nhập khẩu, xuất khẩu, thương mại.*

***Mã số: 186.300915. Ngày nhận bài: 30/09/2015. Ngày hoàn thành biên tập: 20/10/2015. Ngày duyệt đăng:20/11/2015.***

**Summary**

*In Vietnam, time and cost of cargo customs clearance for imports and exports are very concerned issues not only for the policy makers but trader community since their impacts on effectiveness and competitiveness of business environment. Vietnam Customs is actively conducting many highly modern technologies as well advanced automated cargo clearance systems in order to eliminate the cargo clearance time from 21 days both for exports and imports to 13 days and 14 days respectively as the ASEAN-4 (General Department of Vietnam Customs, 2014). In the aspect of cost, the Vietnam enterprise needs to know his cost structure and effecting factors aiming to utilize this amount in compliance with the laws and legal regulations.*

*According to the information and data collected from a survey of 94 enterprises carried out from the October, 2014 to the February, 2015, the paper clearly indicating the components and effecting factors of customs clearance cost for imports and exports in Vietnam. The results is useful to recognize some bottlenecks and legislation gaps in customs clearance formalities before the Vietnam Customs Laws 2014 came into enforcement on January, 1st 2015. It also gives some recommendations for the future when Vietnam deeply integrates in the global trade.*

**Key words:** *cargo, custom, clearance, dossier, exports, facilitation, imports, trade, transactions.*

***Paper No.186.300915. Date of receipt: 30/09/2015. Date of revision: 20/10/2015. Date of approval: 20/11/2015.***

[*] TS, Trường Đại học Ngoại thương; Email: phanhien@ftu.edu.vn
[**] Sinh viên K51 Trường Đại học Ngoại thương

**1. Chi phí thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam**

Luật Hải quan Việt Nam 2014, điều 4 mục 23: *Thủ tục hải quan là các công việc mà người khai hải quan và công chức hải quan phải thực hiện theo quy định của Luật này đối với hàng hóa, phương tiện vận tải.*

Luật Hải quan Việt Nam 2014, điều 4 mục 21: *Thông quan là việc hoàn thành các thủ tục hải quan để hàng hóa được nhập khẩu, xuất khẩu hoặc đặt dưới chế độ quản lý nghiệp vụ hải quan khác.*

Từ hai khái niệm trên, bài viết đưa ra cách hiểu về chi phí thông quan từ góc độ doanh nghiệp: Đó là *tổng số những chi phí để hoàn thành thủ tục hải quan nhằm xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo quy định của Luật Hải quan Việt Nam*.

Chi phí thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam gồm 03 thành phần chính tương ứng với 03 bước cơ bản trong quy trình thủ tục hải quan, cụ thể như sau:

*(1) Lệ phí làm thủ tục hải quan*

Theo Thông tư 72/2010 TT-BTC ngày 02/11/2010 của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trong lĩnh vực hải quan: Lệ phí làm thủ tục hải quan là 20.000 VN đồng/ 01tờ khai và phải nộp trước khi cơ quan hải quan kiểm tra xác nhận "đã hoàn thành thủ tục hải quan".

*(2) Chi phí kiểm tra hải quan*

Tại Việt Nam, thủ tục hải quan điện tử đã trở thành phương thức chính thức và chủ yếu để tiến hành thủ tục hải quan. Hệ thống thông quan hàng hóa tự động VNACCS/VCIS[1] được chính thức triển khai từ ngày 01/4/2014 và vận hành ổn định từ tháng 7/2014. Hiện nay, 34/34 Cục Hải quan, 171/171 Chi cục Hải quan trong phạm vi toàn quốc thực hiện Hệ thống VNACCS/VCIS. (Tổng Cục Hải quan Việt Nam, 2014).

Khi doanh nghiệp đăng ký làm thủ tục hải quan cho hàng hóa xuất nhập khẩu, hệ thống VNACCS/VCIS tự động phân luồng, mức độ kiểm tra hàng hóa theo 03 cấp độ tăng dần, đó là luồng xanh (miễn kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế); luồng vàng (kiểm tra hồ sơ và miễn kiểm tra thực tế) và luồng đỏ (kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế).

- Chi phí kiểm tra hồ sơ

Căn cứ vào quy định pháp lý về thủ tục hải quan và từng giao dịch cụ thể (xuất khẩu hay nhập khẩu), hàng hóa (chính sách quản lý hàng hóa), điều kiện giao dịch (trị giá giao dịch, vận tải, thanh toán, bảo hiểm, nước xuất khẩu, nước nhập khẩu, quá cảnh,...) mà chủng loại, số lượng chứng từ trong hồ sơ hải quan cũng như chi phí kiểm tra khác nhau. Chi phí kiểm tra hồ sơ hải quan bao gồm các chi phí chuẩn bị hồ sơ hải quan, bổ sung, hiệu chỉnh và hoàn thiện hồ sơ hải quan. Bên cạnh những quy định về hồ sơ hải quan, đối với những lô hàng thuộc diện quản lý đặc biệt của Nhà nước phải kiểm tra chuyên ngành về chất lượng, y tế, văn hóa, kiểm dịch động vật, thực vật đối với hàng hóa, phương tiện vận tải,… doanh nghiệp phải có nghĩa vụ cung cấp các bằng chứng tuân thủ với chi phí của doanh nghiệp. Vì vậy không có quy định chung hay định mức thống nhất về chi phí kiểm tra hồ sơ hải quan đối với mọi lô hàng xuất nhập khẩu.

[1] Vietnam Automated Cargo Clearance System/ Vietnam Clearance Informatics System

- Chi phí kiểm tra thực tế hàng hóa

Nếu hàng hóa phải kiểm tra thực tế, người khai hải quan có nghĩa vụ đưa hàng hóa, phương tiện vận tải đến địa điểm quy định để kiểm tra thực tế, vì vậy chi phi kiểm tra thực tế trước hết là chi phí liên quan đến việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm kiểm tra (Luật Hải quan 2014, điều 21). Căn cứ vào quy định địa điểm kiểm tra thực tế tại điều 22, Luật Hải quan 2014, chi phí kiểm tra thực tế hàng hóa chủ yếu là các chi phí liên quan đến việc vận chuyển, xếp dỡ và lưu kho, lưu bãi hàng hóa phục vụ công tác kiểm tra.

Ví dụ như đối với hàng hóa nhập khẩu đóng trong container 20’ hoặc 40’ (hàng khô, hàng bách hóa): Miễn phí 5 ngày đầu tiên kể từ thời điểm hạ container xuống bãi CFS, CY. Sau đó từ ngày 6 đến ngày 10: USD 10/ Container 20’ và USD 20/ Container 40’. Kể từ ngày thứ 11, phí là USD 20/ Container 20’ và USD 40/ Contaner 40’. Chi phí này còn cao hơn đối với hàng hóa cần bảo quản đặc biệt (T.S. Lines Hải Phòng, 2015).

Ngoài ra hiện nay, Hải quan Việt Nam thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa bằng các phương tiện kỹ thuật như máy soi container, thiết bị soi chiếu, cân điện tử và các thiết bị đo lường hiện đại. Nếu thực hiện phương pháp kiểm tra này, thì chi phí kiểm tra thực tế hàng hóa sẽ bao gồm chi phí doanh nghiệp trả cho các doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi tại địa điểm lắp đặt máy soi và các thiết bị kỹ thuật. (Luật Hải quan 2014)

Về phía cơ quan hải quan, nếu tiến hành kiểm tra thực tế hàng hóa sẽ không thu lệ phí kiểm tra ngay cả khi thực hiện ngoài giờ hành chính theo đề nghị của chủ hàng. Chi phí này đã bao gồm trong lệ phí làm thủ tục hải quan như đã được đề cập ở trên.

*(3) Thuế liên quan đến việc xuất khẩu, nhập khẩu*

Căn cứ vào Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2005 và cơ chế điều hành xuất nhập khẩu cũng như chính sách thương mại quốc tế vào từng thời kỳ nhất định, hàng hóa được thông quan khi người khai hải quan thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế, bao gồm tất cả các loại thuế liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu như: thuế xuất khẩu, thuế tài nguyên (nếu có) đối với xuất khẩu; thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế môi trường (nếu có) đối với nhập khẩu.

Luật Hải quan 2014, Điều 36 và 37 quy định về điều kiện để giải phóng và thông quan hàng hóa là: *Người khai hải quan đã nộp thuế hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế trên cơ sở tự kê khai, tính thuế của người khai hải quan. Trường hợp người khai hải quan đã hoàn thành thủ tục hải quan nhưng chưa nộp, nộp chưa đủ số thuế phải nộp trong thời hạn quy định thì hàng hóa được thông quan khi được tổ chức tín dụng bảo lãnh về số tiền thuế phải nộp hoặc được áp dụng thời hạn nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế.*

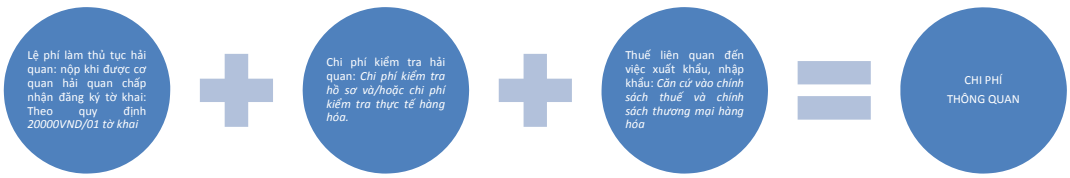


**Hình 1: Chi phí thông quan hàng hóa**

Như vậy khi Luật Hải quan 2014 có hiệu lực thì chi phí thông quan sẽ bao gồm một phần quan trọng là số thuế doanh nghiệp phải nộp hay chi phí bảo lãnh.

Tóm lại, chi phí thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam được minh họa trong hình 1.

**2. Xây dựng mô hình kiểm định tính phụ thuộc của chi phí thông quan**

***a. Mô hình hàm hồi quy ước lượng***

Mô hình định lượng theo phương pháp bình quân nhỏ nhất (OLS) và hàm hồi quy với biến phụ thuộc là chi phí thông quan, cụ thể như sau:

**CPHQ = f (DN, V, TS, TG, CT, IMEX)**

Trong đó:

- ✓ CPHQ: Chi phí thông quan hàng hóa
- ✓ DN: Quy mô doanh nghiệp được đo bằng biến giả với hai giá trị là doanh nghiệp vừa và nhỏ, và các loại hình doanh nghiệp khác. (*Phân loại doanh nghiệp căn cứ vào Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ: Về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa)*
- ✓ V: Trị giá giao dịch theo hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.
- ✓ TS: Thuế suất hải quan (thuế suất xuất khẩu hoặc nhập khẩu, chưa tính đến các thuế khác nếu có như thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên).
- ✓ TG: Thời gian làm thủ tục hải quan (tính từ thời gian đăng ký tờ khai đến khi hoàn thành thủ tục hải quan).
- ✓ CT: Số lượng chứng từ trong hồ sơ hải quan.
- ✓ IMEX: Loại hình giao dịch thương mại quốc tế, được đo bằng hai biến giả là nhập khẩu và xuất khẩu.

***b. Thông tin dữ liệu***

Nhóm nghiên cứu thực hiện khảo sát, điều tra 94 doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại 05 tỉnh, thành phố là : Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Lạng Sơn và Hà Tĩnh.

Thời gian thực hiện khảo sát từ tháng 10/2014 đến tháng 02/2015, đây là giai đoạn chuyển giao hiệu lực từ Luật Hải quan 2005 sang Luật Hải quan 2014, vì vậy căn cứ pháp lý cho hoạt động thông quan hàng hóa trong bài báo này có sự đan xen của cả hai văn bản Luật.

Phiếu khảo sát được thiết kế nhằm thu thập thông tin cơ bản liên quan đến hoạt động thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, cũng như dữ liệu về các biến của mô hình tương quan bao gồm: loại hình doanh nghiệp, hình thức giao dịch (xuất khẩu hay nhập khẩu); thuế suất xuất khẩu/nhập khẩu; trị giá hợp đồng giao dịch; thời gian thông quan, số lượng chứng từ trong hồ sơ hải quan; và chi phí thông quan. Số liệu được tổng hợp tại phụ lục số 1.

**3. Kết quả kiểm định mô hình tương quan phụ thuộc giữa chi phí thông quan và điều kiện giao dịch**

***3.1. Kiểm định tính phụ thuộc của các biến độc lập***

Bảng thống kê biểu diễn mối tương quan giữa các biến lần lượt theo hệ số góc thể hiện trong bảng dưới đây. Hệ số góc của hầu hết các biến đều dưới 20%, mức độ tương quan là rất thấp, chỉ có duy nhất biến DN và V tương đối cao là -0.491847, tương đương với 50%. Điều này cho thấy, DN và V là hai biến có ảnh hưởng qua lại lẫn nhau.

| Correlation | CPHQ | DN | V | TS | TG | CT | IMEX |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| CPHQ | 1.000000 | | | | | | |
| DN | 0.049673 | 1.000000 | | | | | |
| V | 0.019447 | **-0.491847** | 1.000000 | | | | |
| TS | 0.143710 | 0.109423 | -0.025366 | 1.000000 | | | |
| TG | 0.018393 | 0.027177 | -0.011327 | 0.062614 | 1.000000 | | |
| CT | 0.355978 | -0.187299 | 0.196303 | 0.160876 | -0.052310 | 1.000000 | |
| | | | | | | | 1.000000 |
| IMEX | 0.262277 | -0.131510 | 0.172741 | 0.035875 | -0.075716 | 0.196069 | |

Để kiểm định mức độ chắc chắn của kết quả trên, nhóm nghiên cứu chạy mô hình riêng cho 2 biến này:

Dependent Variable: DN

Method: Least Squares

Date: 09/19/15 Time: 17:34

Sample: 1 94

Included observations: 94

| Variable | Coefficient | Std. Error | t-Statistic | Prob. |
|---|---|---|---|---|
| V | -1.51E-09 | 2.79E-10 | -5.418316 | 0.0000 |
| C | 0.928787 | 0.026958 | 34.45368 | 0.0000 |
| R-squared | 0.241913 | Mean dependent var | | 0.904699 |
| Adjusted R-squared | 0.233673 | S.D. dependent var | | 0.294476 |
| S.E. of regression | 0.257785 | Akaike info criterion | | 0.147662 |
| Sum squared resid | 6.113668 | Schwarz criterion | | 0.201775 |
| Log likelihood | -4.940136 | Hannan-Quinn criter. | | 0.169520 |
| F-statistic | 29.35815 | Durbin-Watson stat | | 2.257727 |
| Prob(F-statistic) | 0.000000 | | | |

Nhìn vào đây, nhóm nghiên cứu có thể P - value là 0.0000 nhỏ hơn mức ý nghĩa α = 0.05. Giả thiết này cho thấy, biến V giải thích được cho biến DN, hay nói một cách khác tại Việt Nam, trị giá giao dịch và loại hình doanh nghiệp có mối tương quan phụ thuộc.

### *3.2. Kiểm định mô hình hồi quy*

Nhóm nghiên cứu chạy mô hình với tất cả các biến, được bảng thống kê như sau:

Dependent Variable: CPHQ
Method: Least Squares
Date: 09/18/15 Time: 15:28
Sample: 1 94
Included observations: 94

| Variable | Coefficient | Std. Error | t-Statistics | Prob. |
|---|---|---|---|---|
| DN | 1021.934 | 945.2323 | 1.081146 | 0.2826 |
| V | -5.52E-07 | 2.90E-06 | -0.190601 | 0.8493 |
| TS | 14.53926 | 21.85619 | 0.665224 | 0.5077 |
| TG | 8.582671 | 18.67837 | 0.459498 | 0.6470 |
| CT | 540.2212 | 165.9725 | 3.254884 | 0.0016 |
| IMEX | 1075.183 | 491.5627 | 2.187276 | 0.0314 |
| C | -1934.258 | 1018.682 | -1.898784 | 0.0609 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| R-squared | 0.191224 | Mean dependent var | 725.2168 |
| Adjusted R-squared | 0.135446 | S.D. dependent var | 2475.499 |
| S.E. of regression | 2301.753 | Akaike info criterion | 18.39228 |
| Sum squared resid | 4.61E+08 | Schwarz criterion | 18.58167 |
| Log likelihood | -857.4371 | Hannan-Quinn criter. | 18.46878 |
| F-statistic | 3.428328 | Durbin-Watson stat | 0.892538 |
| Prob(F-statistic) | 0.004375 | | |

Từ bảng thống kê trên nhóm nghiên cứu được:

+ Mô hình hồi quy tổng thể (PRF):

$CPHQ = \beta_1 + \beta_2 * DN + \beta_3 * V \beta_4 * TS + \beta_5 * TG + B_6 * CT + \beta_7 * IMEX + \beta_8 * FM + U$

+ Mô hình hồi quy mẫu (SRF):

$$CPHQ = \hat{\beta}_1 + \hat{\beta}_2 DN + \hat{\beta}_3 V + \hat{\beta}_4 TS + \hat{\beta}_5 TG + \hat{\beta}_6 CT + \hat{\beta}_7 IMEX + e$$

Với bảng thông báo như trên tra có:

$\hat{\beta}_1 = -1934.258, \hat{\beta}_2 = 1021.934,$

$\hat{\beta}_3 = -5.52E, \hat{\beta}_4 = 14.53926,$

$\hat{\beta}_5 = 8.582671, \hat{\beta}_6 = 540.2212, \hat{\beta}_7 = 1075.183$

Hàm hồi quy ước lượng có dạng:

**CPHQ = -1934.258 + 1021.934*DN - (5.52E+07)*V + 14.53926*TS + 8.582671*TG + 540.2212*CT + 1075.183*IMEX + e**

Với mức ý nghĩa α= 5%, nhóm nghiên cứu thấy: P-value của các biến DN, V, TG, TS đều có giá trị lớn hơn mức ý nghĩa α =5%, tức là các biến độc lập này không làm ảnh hưởng đến biến phụ thuộc CPHQ.

Kết quả cho thấy:

- Với biến CT, IMEX cho kết quả P-value lần lượt là 0.0016; 0.0314 đều nhỏ hơn α = 0.05 nên biến độc lập CT, IMEX có ảnh hưởng đến biến phụ thuộc là CPHQ hay nói

cách khác hai biến độc lập hoàn toàn giải thích được những biến đổi xảy đối với CPHQ.

- Với biến cho nhóm nghiên cứu kết quả P-value lần lượt là 0.2826; 0.8493, 05077; 0.6470 đều lớn hơn α = 0.05 nên nhóm nghiên cứu thấy biến độc lập DN, V, TS, TG không có ảnh hưởng đến biến phụ thuộc là CPHQ. Do vậy dù có sự phụ thuộc giữa hai biến DN và V, nhưng hai biến này cũng không làm ảnh hưởng đến kết quả kiểm định nên kết quả mô hình hoàn toàn tin cậy.

Ngoài ra để khẳng định kết quả kiểm định là chi phí thông quan không phụ thuộc vào loại hình doanh nghiệp (DN), trị giá giao dịch (V), thuế suất (TS) và thời gian thông quan (TG), nhóm nghiên cứu kiểm định lại nhận định trên dựa vào kiểm định T-test đối với các biến DN, V, TS và TG (kết quả như phụ lục số 2).

### *3.3. Kiểm định thu hẹp hồi quy*

Khi lược bỏ 4 biến DN, V, TS, TG nhóm nghiên cứu được mô hình hồi quy nhỏ (N) như sau:

Dependent Variable: CPHQ
Method: Least Squares
Date: 09/18/15 Time: 20:21
Sample: 1 94
Included observations: 94

| Variable | Coefficient | Std. Error | t-Statistic | Prob. |
|---|---|---|---|---|
| CT | **515.4303** | 158.9464 | 3.242792 | 0.0017 |
| IMEX | **987.7982** | 481.9774 | 2.049470 | 0.0433 |
| C | **-839.3003** | 438.1327 | -1.915631 | 0.0586 |
| R-squared | 0.165250 | Mean dependent var | | 725.2168 |
| Adjusted R-squared | 0.146904 | S.D. dependent var | | 2475.499 |
| S.E. of regression | 2286.449 | Akaike info criterion | | 18.33878 |
| Sum squared resid | 4.76E+08 | Schwarz criterion | | 18.41995 |
| Log likelihood | -858.9228 | Hannan-Quinn criter. | | 18.37157 |
| F-statistic | 9.007362 | Durbin-Watson stat | | 0.929307 |
| Prob(F-statistic) | 0.000270 | | | |

Từ bảng thống kê trên nhóm nghiên cứu quan sát giá trị P-value của cả hệ số góc của các biến độc lập và của mô hình đều thỏa mãn mức ý nghĩa α = 5%

## 4. Luận giải kết quả kiểm định từ thực tiễn hoạt động thông quan hàng hóa tại Việt Nam

### *4.1. Chi phí thông quan không phụ thuộc vào loại hình doanh nghiệp*

Hải quan Việt Nam tiến hành đổi mới phương thức làm thủ tục hải quan từ truyền thống, thủ công sang quản lý rủi ro và điện tử, theo đó công tác kiểm tra hải quan được thực hiện trên cơ sở phân tích thông tin, đánh giá việc chấp hành pháp luật của chủ hàng, mức độ rủi ro về vi phạm pháp luật hải quan. Tất cả các doanh nghiệp bình đẳng trong thông quan hàng hóa, không căn cứ vào loại hình doanh nghiệp mà dựa trên phân loại: 1) Doanh nghiệp ưu tiên; 2) Doanh nghiệp tuân thủ; 3) Doanh nghiệp không tuân thủ.

Hơn nữa, khảo sát cho thấy phần lớn doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật hải quan, chiếm tỷ lệ 80,22% trong tổng số 94 doanh nghiệp, vì vậy kết quả kiểm định là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp lý và thực tiễn công tác thông quan tại Việt Nam.

***4.2. Chi phí thông quan không phụ thuộc vào thuế suất xuất khẩu, nhập khẩu***

Khi đăng ký tờ khai, doanh nghiệp được cơ quan hải quan thông báo về nghĩa vụ thuế trong đó ghi rõ từng loại thuế, số tiền thuế, thời gian nộp thuế và xử lý vi phạm chậm nộp thuế đối với lô hàng làm thủ tục hải quan. Tuy nhiên, quy định tại Luật Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu 2005, Điều 15: *Thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa xuất khẩu là ba mươi ngày, kể từ ngày đối tượng nộp thuế đăng ký tờ khai hải quan*. Doanh nghiệp được hưởng thời gian nộp thuế là trong vòng 30 ngày và không kê khai tiền thuế vào chi phí thông quan hay nói một cách khác đa phần hàng hóa được thông quan khi doanh nghiệp chưa nộp thuế. Nếu không tính tiền thuế thì chi phí thông quan của các lô hàng có thuế suất khác nhau là không khác biệt lớn.

Tuy nhiên, kết quả kiểm định sẽ thay đổi khi Luật Hải quan 2014 có hiệu lực thay thế Luật Hải quan 2005. Theo đó, Luật Hải quan 2014, Điều 36 và 37 quy định rõ: hàng hóa được giải phóng, thông quan khi "Người khai hải quan đã nộp thuế hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh về số thuế phải nộp". Như vậy, số tiền thuế phải nộp hoặc chi phí nhận bảo lãnh của các tổ chức tín dụng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí thông quan.

***4.3. Chi phí thông quan không phụ thuộc vào trị giá giao dịch***

Trị giá giao dịch có ý nghĩa trong việc xác định, quản lý thuế hải quan và thống kê hải quan chứ không lựa chọn là tiêu chí để phân luồng hàng hóa, quyết định hình thức mức độ kiểm tra hải quan, thông quan vì vậy không ảnh hưởng đến chi phí thông quan là hoàn toàn hợp lý. Hơn nữa, kết quả kiểm định mô hình cho thấy, chi phí thông quan không phụ thuộc vào thuế suất, trị giá giao dịch lần nữa khẳng định khi Luật Hải quan 2005 còn hiệu lực thì hầu hết doanh nghiệp chưa thực hiện nghĩa vụ nộp thuế khi thông quan hàng hóa. Đây là nguyên nhân cơ bản của việc trốn thuế, nợ thuế và gian lận thuế tại Việt Nam thời gian qua, và dẫn đến thay đổi tại Luật Hải quan 2014.

Hơn nữa, có một thực tế tại Việt Nam, chi phí quản lý nhà nước về hải quan được quy định trên đơn vị là tờ khai hải quan. Thông thường một lô hàng làm thủ tục hải quan sẽ khai báo trên 01 tờ khai và chi phí đăng ký tờ khai hải quan là 20.000VND/tờ khai. Có nhiều trường hợp nếu lô hàng khai báo qua hệ thống VNACCS/VCIS nếu được phân vào luồng xanh và thông quan ngay trên mạng thông tin thì doanh nghiệp không phải nộp phí đăng ký tờ khai, và trường hợp này chi phí thông quan là bằng 0. Cũng có trường hợp lô hàng có trị giá lớn, có nhiều dòng hàng thì khi khai báo có thể có nhiều tờ khai, nhưng cơ quan hải quan cũng chỉ yêu cầu nộp lệ phí đăng ký tờ khai cho 01 tờ khai chính. Vì vậy, bài báo khẳng định trị giá giao dịch không ảnh hưởng đến chi phí thông quan.

***4.4. Chi phí thông quan phụ thuộc vào số lượng chứng từ trong hồ sơ hải quan***

Khi hàng hóa làm thủ tục hải quan được phân vào luồng vàng hoặc đỏ, công chức hải quan tiến hành kiểm tra hồ sơ hải quan (chứng từ) rất chi tiết về số lượng, chủng loại, nội dung, tính đồng bộ và giá trị pháp lý của chứng từ

theo quy định của pháp luật hải quan. Vì vậy nếu lô hàng làm thủ tục hải quan thuộc diện kiểm tra hồ sơ, hoặc nếu trong bộ hồ sơ khai báo hải quan có nhiều chứng từ hơn quy định chung thì điều này đương nhiên tác động đến chi phí thông quan. Ví dụ trường hợp lô hàng phải kiểm định chất lượng thì doanh nghiệp phải nộp lệ phí kiểm tra theo quy định cơ quan quản lý chuyên ngành, từ đó gia tăng chi phí thông quan. Ngoài ra nếu trong quá trình kiểm tra chứng từ, phát hiện có sai sót hay lỗi chứng từ, để thông quan hàng hóa doanh nghiệp phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc thay thế và phát sinh thêm các chi phí.

Kết quả khảo sát 94 doanh nghiệp cho thấy, 49,59% doanh nghiệp thường có hàng hóa phân vào luồng vàng nên kết quả kiểm định là hoàn toàn tin cậy.

***4.5. Chi phí thông quan không phụ thuộc vào thời gian thông quan***

Hiện nay việc tiếp nhận, xử lý thông tin hải quan được thực hiện trên hệ thống VNACCS/VCIS nên trường hợp lô hàng được thông quan ngay khi khai báo lần đầu thì thời gian là rất ngắn, tính bằng giây, trường hợp có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hay điều chỉnh thì trước hết cũng được thực hiện trên hệ thống VNACCS/VCIS nên không phụ trội thêm chi phí. Hơn nữa kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ hồ sơ được chấp nhận lần đầu khai báo là rất cao đến 80%, thời gian dưới 1 giờ chiếm 43,33%, thời gian từ 1-5 giờ là 37,78%, thời gian trong vòng 1 ngày là 15,56%, còn lại là 3,33% là những lô hàng phải kiểm tra thực tế nên khó xác định thời gian.

Như vậy, thời gian thông quan không ảnh hưởng đến chi phí thông quan. Mặc dù tiết kiệm thời gian thông quan được ghi nhận là thành công của tiến trình đổi mới, hiện đại hóa của hải quan Việt Nam, tuy nhiên điều này chưa có ý nghĩa cắt giảm chi phí thông quan.

***4.5. Chi phí thông quan phụ thuộc vào loại hình giao dịch xuất khẩu hoặc nhập khẩu.***

Việt Nam đã và đang thực hiện chính sách thúc đẩy xuất khẩu, trong đó có việc tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp về thủ tục hải quan xuất khẩu. Hầu hết hàng hóa xuất khẩu được phân vào luồng xanh hoặc vàng, tức là miễn kiểm tra thực tế, thuế suất xuất khẩu chủ yếu bằng 0 hoặc được miễn thuế cũng là nguyên nhân chính khiến cho chi phí thông quan thường thấp hơn so với hàng nhập khẩu.

Luật Hải quan 2005 cũng như 2014, quy định về hồ sơ khai báo hải quan là thống nhất đối với các lô hàng xuất khẩu và nhập khẩu. Tuy nhiên, Nghị định 187/2013 NĐ-CP ngày 20/11/2013 về *Quy định chi tiết thi hành Luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài,* cho thấy chủng loại hàng hóa nhập khẩu thuộc diện quản lý chuyên ngành lớn hơn rất nhiều so với hàng hóa xuất khẩu. Điều này dẫn đến quy trình thủ tục, chi phí và chứng từ quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa nhập khẩu khác biệt lớn so với hàng xuất khẩu. Kết quả kiểm định là phù hợp với quốc gia đang phát triển như Việt Nam, theo đó hàng rào thương mại đối với nhập khẩu thông thường chặt chẽ hơn so với xuất khẩu, dẫn đến sự khác biệt về chi phí thông quan.

**5. Một số đề xuất nhằm tối ưu hóa chi phí thông quan**

***Thứ nhất***, Chính phủ và ngành Hải quan điều chỉnh khung pháp luật về doanh nghiệp ưu tiên, theo đó điều kiện về kim ngạch xuất nhập khẩu, thời gian hoạt động cũng như

lĩnh vực hoạt động nên hạn chế và thay bằng các chuẩn mực, tiêu chuẩn quốc tế về năng lực pháp lý và cạnh tranh trong bối cảnh tự do hóa thương mại, toàn cầu hóa. Nếu được công nhận là doanh nghiệp ưu tiên, quá trình thông quan xuất nhập khẩu sẽ thuận lợi hơn, hạn chế kiểm tra chứng từ và kiểm tra thực tế hàng hóa, qua đó sẽ cắt giảm chi phí thông quan. Về phía doanh nghiệp, trở thành doanh nghiệp ưu tiên trước hết sẽ được hưởng lợi từ cơ chế thuận lợi hóa thương mại, tiết kiệm thời gian và chi phí thông quan tại Việt Nam. Hơn nữa, nếu đáp ứng các chuẩn mực quốc tế sẽ mang lại cơ hội trở thành doanh nghiệp ưu tiên ở phạm vi khu vực và quốc tế, từ đó doanh nghiệp cũng cắt giảm được chi phí thông quan tại các nước khác có cơ chế công nhận lẫn nhau doanh nghiệp ưu tiên với Việt Nam.

***Thứ hai***, đẩy mạnh công tác quy chuẩn hàng hóa theo các chuẩn mực, tiêu chí quốc tế về chất lượng, khoa học kỹ thuật và công nghệ quốc tế. Điều này góp phần cắt giảm hàng rào kỹ thuật trong thương mại quốc tế đặc biệt đối với hàng hóa nhập khẩu, qua đó hạn chế thủ tục cấp phép, chứng từ quản lý chuyên ngành và cắt giảm chi phí thông quan. Ngoài ra, để thực hiện đồng bộ các chương trình tạo thuận lợi hóa thương mại của Chính phủ như hải quan điện tử, Chính phủ điện tử, Cơ chế một cửa quốc gia thì công tác chuẩn hóa và số hóa chứng từ cần được triển khai đồng bộ, khẩn trương ở các cấp quản lý và doanh nghiệp.

***Thứ ba***, tăng cường hợp tác hải quan và doanh nghiệp. Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu cho thấy, vấn đề doanh nghiệp vướng mắc nhiều nhất (41,28%) trong quá trình thông quan hàng hóa là quy định pháp luật, tiếp theo là những vướng mắc khi khai báo hải quan là 25,69%. Cũng vấn đề này khi phỏng vấn các công chức hải quan, 50,98% cho rằng vướng mắc của doanh nghiệp là quy định pháp luật và 37,25 % là khai báo hải quan.

Hơn nữa, khi Chính phủ và ngành Hải quan đang nỗ lực cắt giảm thời gian thông quan bằng các sáng kiến thuận lợi hóa thì chi phí thông quan lại chưa có chuyển biến tích cực. Vì vậy, tăng cường hơn nữa mối quan hệ hải quan và doanh nghiệp sẽ có ý nghĩa thực hiện thành công mục tiêu thuận lợi hóa của Việt Nam ở cả góc độ thời gian và chi phí thông quan, đó là:

- Tổ chức buổi giới thiệu quy định pháp luật và thay đổi môi trường pháp lý cho cộng đồng doanh nghiệp ở quy mô cấp Chi Cục, Cục và Tổng Cục Hải quan.

- Phát triển hạ tầng thông tin, theo đó mục thông tin pháp luật, giải đáp câu hỏi và vướng mắc của doanh nghiệp cần công khai minh bạch dễ truy cập bằng các phương tiện thông tin liên lạc. Hạn chế số lượng giao dịch chứng từ giấy trong công tác quản lý nhà nước về hải quan.

- Nâng cao nhận thức của công chức hải quan cũng như công chức quản lý nhà nước về sự cần thiết hợp tác hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp vì mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.

Thông qua các chương trình hành động này, doanh nghiệp nâng cao hiểu biết và kỹ năng thực thi pháp luật, từ đó sẽ lựa chọn phương thức làm thủ tục hải quan tối ưu hóa nguồn lực nhằm tối ưu hóa chi phí thông quan.

***Kết luận***: Bài báo đã tiếp cận vấn đề chi phí thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu ở góc độ hoạt động của doanh nghiệp và sử dụng mô hình định lượng nhằm xác định cụ thể các chi phí bộ phận và yếu tố ảnh hưởng đến chi phí thông quan. Bài báo có giá trị khoa học làm cơ sở đánh giá thực tiễn công tác thực thi pháp luật hải quan cũng như đề xuất điều chỉnh môi

trường pháp lý nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế của Việt Nam thời gian tới.

Tuy nhiên nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế do những vấn đề liên quan đến công tác hải quan và quản lý nhà nước là khó tiếp cận tại Việt Nam bởi đây không phải vấn đề liên quan đến một lô hàng, một doanh nghiệp hay công chức hải quan mà là vấn đề thể chế kinh tế và pháp luật kinh doanh. Vì vậy, số liệu thu thập và kết quả nghiên cứu chỉ phản ánh được phần nào chứ không phải toàn bộ những vấn đề thực tiễn liên quan đến chi phí thông quan tại Việt Nam. Hơn nữa, thời điểm nghiên cứu là giai đoạn chuyển giao giữa quy định pháp luật hải quan cũ theo Luật Hải quan 2005 và bước đệm thực hiện Luật Hải quan 2014 nên có những lô hàng áp dụng cả hai nguồn pháp lý, vì vậy kết quả kiểm định và luận giải thực tiễn có những điểm khó tương thích hoàn toàn. Nhóm nghiên cứu sẽ tiếp tục nghiên cứu về chi phí thông quan hàng hóa khi Luật Hải quan 2014 có hiệu lực từ ngày 01/01/2015.❑

**Tài liệu tham khảo**


1. Tổng Cục Hải quan Việt Nam, *Tình hình, kết quả của công tác cải cách, hiện đại học hải quan,* Hội nghị Tổng kết công tác năm 2014 và triển khai nhiệm vụ năm 2015, Hà nội tháng 12, 2014.
2. T.S. Lines Hải Phòng, *Inbound Local Charges Quotation*, 2015.
3. Cổng thông tin Chính phủ Việt Nam, http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban truy cập ngày 13/10/2015.
4. Cổng thông tin Tổng Cục Hải quan Việt Nam
   http://www.customs.gov.vn/ChuyenMuc/VNACCS_VCIS/DanhSachTinTuc.aspx?Category=Gi%E1%BB%9Bi%20thi%E1%BB%87u%20H%E1%BB%87%20th%E1%BB%91ng%20VNACCS/VCIS truy cập ngày 20/10/2015.
5. World Bank Group,*Vietnam*, Doing business 2015, 12th edition, the WorldBank, Washington, DC, 2014.
   http://www.doingbusiness.org/reports/globalreports/~/media/giawb/doing%20business/documents/profiles/country/VNM.pdf truy cập ngày 03/09/2015.